TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 684/2018/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 882/2018/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Chị Trần Thị N,** sinh năm 1988; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: đường A, phường A, quận B, Thành phố Hà Nội;

- **Anh Tạ Văn T,** sinh năm 1983; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: ngõ X, phường Y, quận Z, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Tạ Văn T, Chị Trần Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 02 năm 2010 tại Uỷ ban nhân dân phường Y, quận Z, Thành phố Hà Nội, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không thể hòa giải được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2015 đến nay. Nay chị N và anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị N và anh T thống nhất trình bày: Chị N và anh T có 02 con chung là cháu Tạ Tuấn T, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2010 và Tạ Duy M, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2013. Ly hôn anh chị thỏa thuận: Giao hai con chung là cháu T và cháu M cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/tháng, mỗi cháu 1.500.000đồng/tháng.

[3] Về tài sản: không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ: Chị N và anh T xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ.

[5] Về lệ phí: Chị N tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Trần Thị N và Anh Tạ Văn T.

- Về con chung: Chị N và anh T xác định có 02 con chung là cháu Tạ Tuấn T, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2010 và Tạ Duy M, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2013. Giao cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tạ Tuấn T và Tạ Duy M. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng, việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu T và cháu M đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay thế. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị N và anh T xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ: Chị N và anh T xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị N tự nguyện nộp cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0007752 ngày 28/9/2018 tại Chi cục thi hành án quận Đống Đa).

3. Quyết định này có hiêu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đàm Văn Thuận